TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2026/LĐ-ST
Ngày: 19 - 5 - 2026
"Về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Quang

Ông Nguyễn Phạm Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 *tham gia phiên tòa*: Bà Lương Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 15/2025/TLST-LĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-LĐ ngày 30/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-LĐ ngày 21/4/2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* bà **Lâm Thị Hoài T**, Sinh năm 1993, Địa chỉ: tổ C, phường L, thành phố Đà Nẵng. Số CCCD: 048193005276, cấp ngày 09/8/2021. *Có mặt*

* *Bị đơn:* **Công ty TNHH M**; Trụ sở: Lô A, KCN H, phường L, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Trần Thị Bảo N**, Sinh năm 1993, Địa chỉ: đường Đ, phường L, thành phố Đà Nẵng. Số CCCD: 066193003915, cấp ngày 01/12/2023. *Vắng mặt*

2. **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ**; Trụ sở: số D đường X, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lâm Thị Hoài T trình bày:*

Vào tháng 7 năm 2012, do bị mất Chứng minh nhân dân nên bà Trần Thị Bảo N đã mượn Chứng minh nhân dân (Chứng minh nhân dân số 201669552) của bà Lâm Thị Hoài T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M) và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội số 4809026712 mang tên Lâm Thị Hoài T. Bà N làm việc tại Công ty TNHH M đến hết tháng 7 năm 2012 thì nghỉ việc. Cũng trong thời gian này bà Lâm Thị Hoài T đang làm việc tại Công ty TNHH M1 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội số 4812014453.

Do đó, bà Lâm Thị Hoài T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Hoài T (do bà Trần Thị Bảo N mượn hồ sơ của bà Lâm Thị Hoài T giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M) trong tháng 7 năm 2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

** Bị đơn là Công ty TNHH M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Bảo N trình bày:*

Do mất Giấy chứng minh nhân dân nên vào tháng 7 năm 2012 bà Trần Thị Bảo N có mượn giấy tờ tùy thân (Chứng minh nhân dân) của bà Lâm Thị Hoài T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M) và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội là 4812022749 mang tên Lâm Thị Hoài T. Kết thúc 01 (một) tháng làm việc, tức làm hết tháng 7 năm 2012 thì bà N xin nghỉ việc.

Nay bà Lâm Thị Hoài T khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Hoài T (do bà Trần Thị Bảo N giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH Đ thì bà đồng ý với ý kiến của bà T.

** Tại Công văn số 85/BHXH-QLT-PTNTG ngày 10.01.2026, Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Qua tra cứu dữ liệu quản lý và hồ sơ lưu tại Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng thì bà Lâm Thị Hoài T, sinh ngày: 01/4/1993, CCCD: 048193005276, có các sổ Bảo hiểm xã hội:

Sổ Bảo hiểm xã hội 4812014453 có quá trình tham gia BHXH, BHTN tại Công ty TNHH M1 từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 3 năm 2013;

Sổ BHXH 4812022749 có quá trình tham gia BHXH, BHTN tại Công ty TNHH Đ tháng 7 năm 2012 (một tháng);

Sổ Bảo hiểm xã hội 4813014137 có quá trình tham gia BHXH, BHTN tại Công ty TNHH D từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 5 năm 2019.

**** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng:***

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn là bà Lâm Thị Hoài T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty TNHH M không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Hoài T và Công ty TNHH M2 vào tháng 7 năm 2012 là vô hiệu do không đúng người tham gia ký kết hợp đồng lao động, người trực tiếp tham gia lao động là bà Trần Thị Bảo N trong khi thông tin ký hợp đồng lao động là bà Lâm Thị Hoài T; bà Lâm Thị Hoài T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Hoài T và Công ty TNHH M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn là Công ty TNHH M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng, bà Trần Thị Bảo N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân trước khi khởi kiện: Bà Lâm Thị Hoài T đã nộp đơn yêu cầu hòa giải đến Sở Nội vụ thành phố Đ để yêu cầu hòa giải. Tại Công văn số 3249/SNV-LĐVL ngày 07.10.2025 của Sở Nội vụ thành phố Đ cho rằng đối với việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Lâm Thị Hoài T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Hoài T (do bà Trần Thị Bảo N mượn hồ sơ của bà Lâm Thị Hoài T giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M) vào tháng 7 năm 2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Hội đồng xét xử xét thấy: dù nguyên đơn là bà Lâm Thị Hoài T và người liên quan là bà Trần Thị Bảo N không cung cấp được hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ (nay là TNHH M) và bà Lâm Thị Hoài T; bị đơn là Công ty TNHH M3 không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, tại Công văn số 85/BHXH-QLT-PTNTG ngày 10.01.2026, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ xác định bà Lâm Thị Hoài T có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH Đ vào tháng 7 năm 2012 (thời gian 01 tháng), đồng thời bà Lâm Thị Hoài T có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH M1 từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 3 năm 2013.

Như vậy, có căn cứ xác định trong tháng 7 năm 2012 bà Lâm Thị Hoài T cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty TNHH M và Công ty TNHH M1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Lâm Thị Hoài T trình bày tháng 7 năm 2012 bà Lâm Thị Hoài T đang làm việc tại Công ty TNHH M1, còn bà Trần Thị Bảo N mượn chứng minh nhân dân của bà T để giao kết hợp đồng và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M). Bị đơn là Công ty TNHH M đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hoài T nhưng đã không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định bà Lâm Thị Hoài T không ký kết hợp đồng lao động và tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ vào tháng 7 năm 2012; việc bà Trần Thị Bảo N ký hợp đồng và tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ nhưng với tên Lâm Thị Hoài T là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động. Nay bà Lâm Thị Hoài T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Hoài T và Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M) vào tháng 7 năm 2012 là vô hiệu do không đúng người tham gia lao động ký kết hợp đồng lao động là có cơ sở cần chấp nhận. Bà Lâm Thị Hoài T không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Bà Lâm Thị Hoài T tự nguyện chịu nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 15, khoản 1, khoản 4 Điều 30, Điều 49 Bộ luật lao động năm 1994; Khoản 2, khoản 7 Điều 188, Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hoài T về việc *"*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Hoài T và Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M) vào tháng 7 năm 2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động (người trực tiếp tham gia lao động là bà Trần Thị Bảo N trong khi thông tin ký hợp đồng lao động là của bà Lâm Thị Hoài T).

2. Án phí lao động sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Lâm Thị Hoài T tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007551 ngày 23/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Lâm Thị Hoài T đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI